Website Đoàn trường Đại học khoa học tự nhiên

Đặc tả use case

Revision History

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Date** | **Version** | **Description** | **Author** |
| 15/07/2010 | 1.0 | Sơ thảo | Phan Viết Huy |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Giới thiệu 9](#_Toc267476203)

[1.1 Mục đích 9](#_Toc267476204)

[1.2 Phạm vi 9](#_Toc267476205)

[1.3 Các từ định nghĩa, các thuật ngữ, từ viết tắt 9](#_Toc267476206)

[2. Sơ đồ Use – case 10](#_Toc267476207)

[3. Danh sách các actor 10](#_Toc267476208)

[4. Danh sách các Use – case 11](#_Toc267476209)

[5. Đặc tả Use – case 12](#_Toc267476210)

[5.1 UC-00 (Đăng kí tham gia một hoạt động) 12](#_Toc267476211)

[5.1.1 Tóm tắt 12](#_Toc267476212)

[5.1.2 Dòng sự kiện 12](#_Toc267476213)

[5.1.3 Các yêu cầu đặc biệt 12](#_Toc267476214)

[5.1.4 Các điều kiện tiên quyết 12](#_Toc267476215)

[5.1.5 Các kết quả 12](#_Toc267476216)

[5.1.6 Điểm mở rộng 12](#_Toc267476217)

[5.2 UC-01 (Đăng kí mượn phòng) 12](#_Toc267476218)

[5.2.1 Tóm tắt 12](#_Toc267476219)

[5.2.2 Dòng sự kiện 13](#_Toc267476220)

[5.2.3 Các yêu cầu đặc biệt 13](#_Toc267476221)

[5.2.4 Các điều kiện tiên quyết 13](#_Toc267476222)

[5.2.5 Các kết qủa 13](#_Toc267476223)

[5.2.6 Điểm mở rộng 13](#_Toc267476224)

[5.3 UC-02 (Đăng nhập) 13](#_Toc267476225)

[5.3.1 Tóm tắt 13](#_Toc267476226)

[5.3.2 Dòng sự kiện 13](#_Toc267476227)

[5.3.3 Các yêu cầu đặc biệt 14](#_Toc267476228)

[5.3.4 Các điều kiện tiên quyết 14](#_Toc267476229)

[5.3.5 Các kết quả 14](#_Toc267476230)

[5.3.6 Điểm mở rộng 14](#_Toc267476231)

[5.4 UC-03 (Đăng xuất) 14](#_Toc267476232)

[5.4.1 Tóm tắt 14](#_Toc267476233)

[5.4.2 Dòng sự kiện 14](#_Toc267476234)

[5.4.3 Các yêu cầu đặc biệt 14](#_Toc267476235)

[5.4.4 Các điều kiện tiên quyết 14](#_Toc267476236)

[5.4.5 Các kết quả 14](#_Toc267476237)

[5.4.6 Điểm mở rộng 14](#_Toc267476238)

[5.5 UC-04 (Bình chọn website) 15](#_Toc267476239)

[5.5.1 Tóm tắt 15](#_Toc267476240)

[5.5.2 Dòng sự kiện 15](#_Toc267476241)

[5.5.3 Các yêu cầu đặc biệt 15](#_Toc267476242)

[5.5.4 Các điều kiện tiên quyết 15](#_Toc267476243)

[5.5.5 Các kết quả thu được 15](#_Toc267476244)

[5.5.6 Điểm mở rộng 15](#_Toc267476245)

[5.6 UC-05 (Tải ảnh từ website về máy) 15](#_Toc267476246)

[5.6.1 Tóm tắt 15](#_Toc267476247)

[5.6.2 Dòng sự kiện 15](#_Toc267476248)

[5.6.3 Các yêu cầu đặc biệt 16](#_Toc267476249)

[5.6.4 Các điều kiện tiên quyết 16](#_Toc267476250)

[5.6.5 Các kết quả thu được 16](#_Toc267476251)

[5.6.6 Điểm mở rộng 16](#_Toc267476252)

[5.7 UC-06 (Tải nhạc từ website về máy) 16](#_Toc267476253)

[5.7.1 Tóm tắt 16](#_Toc267476254)

[5.7.2 Dòng sự kiện 16](#_Toc267476255)

[5.7.3 Các yêu cầu đặc biệt 16](#_Toc267476256)

[5.7.4 Các điều kiện tiên quyết 16](#_Toc267476257)

[5.7.5 Các kết quả thu được 16](#_Toc267476258)

[5.7.6 Điểm mở rộng 16](#_Toc267476259)

[5.8 UC-07 (Nghe nhạc) 16](#_Toc267476260)

[5.8.1 Tóm tắt 16](#_Toc267476261)

[5.8.2 Dòng sự kiện 17](#_Toc267476262)

[5.8.3 Các yêu cầu đặc biệt 17](#_Toc267476263)

[5.8.4 Các điều kiện tiên quyết 17](#_Toc267476264)

[5.8.5 Các kết quả thu được 17](#_Toc267476265)

[5.8.6 Điểm mở rộng 17](#_Toc267476266)

[5.9 UC-08 (Quản lý các bài viết) 17](#_Toc267476267)

[5.9.1 Tóm tắt 17](#_Toc267476268)

[5.9.2 Dòng sự kiện 17](#_Toc267476269)

[5.9.3 Các yêu cầu đặc biệt 17](#_Toc267476270)

[5.9.4 Các điều kiện tiên quyết 17](#_Toc267476271)

[5.9.5 Các kết quả thu được 17](#_Toc267476272)

[5.9.6 Điểm mở rộng 17](#_Toc267476273)

[5.10 UC-09 (Quản lý hoạt động) 17](#_Toc267476274)

[5.10.1 Tóm tắt 17](#_Toc267476275)

[5.10.2 Dòng sự kiện 18](#_Toc267476276)

[5.10.3 Các yêu cầu đặc biệt 18](#_Toc267476277)

[5.10.4 Các điều kiện tiên quyết 18](#_Toc267476278)

[5.10.5 Các kết quả thu được 18](#_Toc267476279)

[5.10.6 Điểm mở rộng 18](#_Toc267476280)

[5.11 UC-10 (Quản lý tài khoản) 18](#_Toc267476281)

[5.11.1 Tóm tắt 18](#_Toc267476282)

[5.11.2 Dòng sự kiện 18](#_Toc267476283)

[5.11.3 Các yêu cầu đặc biệt 18](#_Toc267476284)

[5.11.4 Các điều kiện tiên quyết 18](#_Toc267476285)

[5.11.5 Các kết quả thu được 18](#_Toc267476286)

[5.11.6 Điểm mở rộng 18](#_Toc267476287)

[5.12 UC-11 (Quản lý tài khoản cá nhân) 18](#_Toc267476288)

[5.12.1 Tóm tắt 18](#_Toc267476289)

[5.12.2 Dòng sự kiện 19](#_Toc267476290)

[5.12.3 Các yêu cầu đặc biệt 19](#_Toc267476291)

[5.12.4 Các điều kiện tiên quyết 19](#_Toc267476292)

[5.12.5 Các kết quả 19](#_Toc267476293)

[5.12.6 Các điểm mở rộng 19](#_Toc267476294)

[5.13 UC-12 (Quản lý thư viện ảnh) 19](#_Toc267476295)

[5.13.1 Tóm tắt 19](#_Toc267476296)

[5.13.2 Dòng sự kiện 19](#_Toc267476297)

[5.13.3 Các yêu cầu đặc biệt 19](#_Toc267476298)

[5.13.4 Các điều kiện tiên quyết 19](#_Toc267476299)

[5.13.5 Các kết quả 19](#_Toc267476300)

[5.13.6 Các điểm mở rộng 19](#_Toc267476301)

[5.14 UC-13 (Quản lý thư viện nhạc) 19](#_Toc267476302)

[5.14.1 Tóm tắt 19](#_Toc267476303)

[5.14.2 Dòng sự kiện 20](#_Toc267476304)

[5.14.3 Các yêu cầu đặc biệt 20](#_Toc267476305)

[5.14.4 Các điều kiện tiên quyết 20](#_Toc267476306)

[5.14.5 Các kết quả 20](#_Toc267476307)

[5.14.6 Các điểm mở rộng 20](#_Toc267476308)

[5.15 UC-14 (Sửa bài viết) 20](#_Toc267476309)

[5.15.1 Mô tả 20](#_Toc267476310)

[5.15.2 Dòng sự kiện 20](#_Toc267476311)

[5.15.3 Các yêu cầu đặc biệt 20](#_Toc267476312)

[5.15.4 Các điều kiện tiên quyết 20](#_Toc267476313)

[5.15.5 Các kết quả 20](#_Toc267476314)

[5.15.6 Các điểm mở rộng 21](#_Toc267476315)

[5.16 UC-15 (Sử thông tin một hoạt động) 21](#_Toc267476316)

[5.16.1 Mô tả 21](#_Toc267476317)

[5.16.2 Dòng sự kiện 21](#_Toc267476318)

[5.16.3 Các yêu cầu đặc biệt 21](#_Toc267476319)

[5.16.4 Các điều kiện tiên quyết 21](#_Toc267476320)

[5.16.5 Các kết quả 21](#_Toc267476321)

[5.16.6 Các điểm mở rộng 21](#_Toc267476322)

[5.17 UC-16 (Sửa thông tin tài khoản) 21](#_Toc267476323)

[5.17.1 Mô tả 21](#_Toc267476324)

[5.17.2 Dòng sự kiện 21](#_Toc267476325)

[5.17.3 Các yêu cầu đặc biệt 22](#_Toc267476326)

[5.17.4 Các điều kiện tiên quyết 22](#_Toc267476327)

[5.17.5 Các kết quả 22](#_Toc267476328)

[5.17.6 Các điểm mở rộng 22](#_Toc267476329)

[5.18 UC-17 (Thay đổi mật khẩu) 22](#_Toc267476330)

[5.18.1 Mô tả 22](#_Toc267476331)

[5.18.2 Dòng sự kiện 22](#_Toc267476332)

[5.18.3 Các yêu cầu đặc biệt 22](#_Toc267476333)

[5.18.4 Các điều kiện tiên quyết 22](#_Toc267476334)

[5.18.5 Các kết quả 22](#_Toc267476335)

[5.18.6 Các điểm mở rộng 23](#_Toc267476336)

[5.19 UC-18 (Thay đổi thông tin cá nhân) 23](#_Toc267476337)

[5.19.1 Mô tả 23](#_Toc267476338)

[5.19.2 Dòng sự kiện 23](#_Toc267476339)

[5.19.3 Các yêu cầu đặc biệt 23](#_Toc267476340)

[5.19.4 Các điều kiện tiên quyết 23](#_Toc267476341)

[5.19.5 Các kết quả 23](#_Toc267476342)

[5.19.6 Các điểm mở rộng 23](#_Toc267476343)

[5.20 UC-19 (Thêm ảnh mới) 23](#_Toc267476344)

[5.20.1 Mô tả 23](#_Toc267476345)

[5.20.2 Dòng sự kiện 23](#_Toc267476346)

[5.20.3 Các yêu cầu đặc biệt 24](#_Toc267476347)

[5.20.4 Các điều kiện tiên quyết 24](#_Toc267476348)

[5.20.5 Các kết quả 24](#_Toc267476349)

[5.20.6 Các điểm mở rộng 24](#_Toc267476350)

[5.21 UC-20 (Thêm bài hát mới) 24](#_Toc267476351)

[5.21.1 Mô tả 24](#_Toc267476352)

[5.21.2 Dòng sự kiện 24](#_Toc267476353)

[5.21.3 Các yêu cầu đặc biệt 24](#_Toc267476354)

[5.21.4 Các điều kiện tiên quyết 24](#_Toc267476355)

[5.21.5 Các kết quả 25](#_Toc267476356)

[5.21.6 Các điểm mở rộng 25](#_Toc267476357)

[5.22 UC-21 (Thêm bài viết mới) 25](#_Toc267476358)

[5.22.1 Mô tả 25](#_Toc267476359)

[5.22.2 Dòng sự kiện 25](#_Toc267476360)

[5.22.3 Các yêu cầu đặc biệt 25](#_Toc267476361)

[5.22.4 Các điều kiện tiên quyết 25](#_Toc267476362)

[5.22.5 Các kết quả 25](#_Toc267476363)

[5.22.6 Các điểm mở rộng 25](#_Toc267476364)

[5.23 UC-22 (Thêm một hoạt động) 25](#_Toc267476365)

[5.23.1 Mô tả 25](#_Toc267476366)

[5.23.2 Dòng sự kiện 25](#_Toc267476367)

[5.23.3 Các yêu cầu đặc biệt 26](#_Toc267476368)

[5.23.4 Các điều kiện tiên quyết 26](#_Toc267476369)

[5.23.5 Các kết quả 26](#_Toc267476370)

[5.23.6 Các điểm mở rộng 26](#_Toc267476371)

[5.24 UC-23 (Thêm tài khoản mới) 26](#_Toc267476372)

[5.24.1 Mô tả 26](#_Toc267476373)

[5.24.2 Dòng sự kiện 26](#_Toc267476374)

[5.24.3 Các yêu cầu đặc biệt 27](#_Toc267476375)

[5.24.4 Các điều kiện tiên quyết 27](#_Toc267476376)

[5.24.5 Các kết quả 27](#_Toc267476377)

[5.24.6 Các điểm mở rộng 27](#_Toc267476378)

[5.25 UC-24 (Xem các bài đã đăng) 27](#_Toc267476379)

[5.25.1 Mô tả 27](#_Toc267476380)

[5.25.2 Dòng sự kiện 27](#_Toc267476381)

[5.25.3 Các yêu cầu đặc biệt 27](#_Toc267476382)

[5.25.4 Các yêu cầu tiên quyết 27](#_Toc267476383)

[5.25.5 Các kết quả 27](#_Toc267476384)

[5.25.6 Điểm mở rộng 27](#_Toc267476385)

[5.26 UC-25 (Xem danh sách đăng kí hoạt động) 27](#_Toc267476386)

[5.26.1 Mô tả 27](#_Toc267476387)

[5.26.2 Dòng sự kiện 27](#_Toc267476388)

[5.26.3 Các yêu cầu đặc biệt 28](#_Toc267476389)

[5.26.4 Các yêu cầu tiên quyết 28](#_Toc267476390)

[5.26.5 Các kết quả 28](#_Toc267476391)

[5.26.6 Điểm mở rộng 28](#_Toc267476392)

[5.27 UC-26 (Xem danh sách hoạt động) 28](#_Toc267476393)

[5.27.1 Mô tả 28](#_Toc267476394)

[5.27.2 Dòng sự kiện 28](#_Toc267476395)

[5.27.3 Các yêu cầu đặc biệt 28](#_Toc267476396)

[5.27.4 Các yêu cầu tiên quyết 28](#_Toc267476397)

[5.27.5 Các kết quả 28](#_Toc267476398)

[5.27.6 Điểm mở rộng 28](#_Toc267476399)

[5.28 UC-27 (Xem hình ảnh các hoạt động) 28](#_Toc267476400)

[5.28.1 Mô tả 28](#_Toc267476401)

[5.28.2 Dòng sự kiện 28](#_Toc267476402)

[5.28.3 Các yêu cầu đặc biệt 28](#_Toc267476403)

[5.28.4 Các yêu cầu tiên quyết 29](#_Toc267476404)

[5.28.5 Các kết quả 29](#_Toc267476405)

[5.28.6 Điểm mở rộng 29](#_Toc267476406)

[5.29 UC-28 (Xin cấp lại mật khẩu) 29](#_Toc267476407)

[5.29.1 Mô tả 29](#_Toc267476408)

[5.29.2 Dòng sự kiện 29](#_Toc267476409)

[5.29.3 Các yêu cầu đặc biệt 29](#_Toc267476410)

[5.29.4 Các yêu cầu tiên quyết 29](#_Toc267476411)

[5.29.5 Các kết quả 29](#_Toc267476412)

[5.29.6 Điểm mở rộng 29](#_Toc267476413)

[5.30 UC-29 (Xóa ảnh) 29](#_Toc267476414)

[5.30.1 Mô tả 29](#_Toc267476415)

[5.30.2 Dòng sự kiện 30](#_Toc267476416)

[5.30.3 Các yêu cầu đặc biệt 30](#_Toc267476417)

[5.30.4 Các yêu cầu tiên quyết 30](#_Toc267476418)

[5.30.5 Các kết quả 30](#_Toc267476419)

[5.30.6 Điểm mở rộng 30](#_Toc267476420)

[5.31 UC-30 (Xóa bài viết) 30](#_Toc267476421)

[5.31.1 Mô tả 30](#_Toc267476422)

[5.31.2 Dòng sự kiện 30](#_Toc267476423)

[5.31.3 Các yêu cầu đặc biệt 30](#_Toc267476424)

[5.31.4 Các yêu cầu tiên quyết 30](#_Toc267476425)

[5.31.5 Các kết quả 31](#_Toc267476426)

[5.31.6 Điểm mở rộng 31](#_Toc267476427)

[5.32 UC-31 (Xóa bài hát) 31](#_Toc267476428)

[5.32.1 Mô tả 31](#_Toc267476429)

[5.32.2 Dòng sự kiện 31](#_Toc267476430)

[5.32.3 Các yêu cầu đặc biệt 31](#_Toc267476431)

[5.32.4 Các yêu cầu tiên quyết 31](#_Toc267476432)

[5.32.5 Các kết quả 31](#_Toc267476433)

[5.32.6 Điểm mở rộng 31](#_Toc267476434)

[5.33 UC-32 (Xóa hoạt động) 31](#_Toc267476435)

[5.33.1 Mô tả 31](#_Toc267476436)

[5.33.2 Dòng sự kiện 31](#_Toc267476437)

[5.33.3 Các yêu cầu đặc biệt 31](#_Toc267476438)

[5.33.4 Các yêu cầu tiên quyết 31](#_Toc267476439)

[5.33.5 Các kết quả 31](#_Toc267476440)

[5.33.6 Điểm mở rộng 31](#_Toc267476441)

[5.34 UC-33 (Xóa tài khoản) 32](#_Toc267476442)

[5.34.1 Mô tả 32](#_Toc267476443)

[5.34.2 Dòng sự kiện 32](#_Toc267476444)

[5.34.3 Các yêu cầu đặc biệt 32](#_Toc267476445)

[5.34.4 Các yêu cầu tiên quyết 32](#_Toc267476446)

[5.34.5 Các kết quả 32](#_Toc267476447)

[5.34.6 Điểm mở rộng 32](#_Toc267476448)

[5.35 UC-34 (Xem ảnh) 32](#_Toc267476449)

[5.35.1 Mô tả 32](#_Toc267476450)

[5.35.2 Dòng sự kiện 32](#_Toc267476451)

[5.35.3 Các yêu cầu đặc biệt 33](#_Toc267476452)

[5.35.4 Các yêu cầu tiên quyết 33](#_Toc267476453)

[5.35.5 Các kết quả 33](#_Toc267476454)

[5.35.6 Điểm mở rộng 33](#_Toc267476455)

**Đặc tả kiến trúc của phần mềm**

# Giới thiệu

## Mục đích

Mục đích của tài liệu Đặc tả use case này là mô tả chi tiết các use case của phần mềm Website Đoàn trường Đại học khoa học tự nhiên TPHCM, tạo cái nhìn trực quan cho khách hàng (cán bộ Đoàn trường) và nhóm phát triển phần mềm.

## Phạm vi

Tài liệu được giao cho khách hàng và nhóm phát triển phần mềm.

## Các từ định nghĩa, các thuật ngữ, từ viết tắt

* CSDL : Cơ sở dữ liệu

# Sơ đồ Use – case

****

# Danh sách các actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Khach | Người truy cập vào website |
| 2 | Sinh\_vien | Sinh viên |
| 3 | Can\_bo\_doan\_cac\_cap | Cán bộ Đoàn |
| 4 | Admin | Quản trị website |

# Danh sách các Use – case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên UseCase | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | UC-00 | Đăng kí tham gia một hoạt động |
| 2 | UC-01 | Đăng kí mượn phòng |
| 3 | UC-02 | Đăng nhập |
| 4 | UC-03 | Người xuất |
| 5 | UC-04 | Bình chọn website |
| 6 | UC-05 | Tải ảnh từ website về máy |
| 7 | UC-06 | Tải nhạc từ website về máy |
| 8 | UC-07 | Nghe nhạc trực tiếp trên website |
| 9 | UC-08 | Quản lý các bài viết |
| 10 | UC-09 | Quản lý hoạt động |
| 11 | UC-10 | Quản lý tài khoản |
| 12 | UC-11 | Quản lý tài khoản cá nhân |
| 13 | UC-12 | Quản lý thư viện ảnh |
| 14 | UC-13 | Quản lý thư viện nhạc |
| 15 | UC-14 | Sửa bài viết |
| 16 | UC-15 | Sử thông tin một hoạt động |
| 17 | UC-16 | Sửa thông tin tài khoản |
| 18 | UC-17 | Thay đổi mật khẩu |
| 19 | UC-18 | Thay đổi thông tin cá nhân |
| 20 | UC-19 | Thêm ảnh mới |
| 21 | UC-20 | Thêm bài hát mới |
| 22 | UC-21 | Thêm bài viết mới |
| 23 | UC-22 | Thêm một hoạt động |
| 24 | UC-23 | Thêm tài khoản mới |
| 25 | UC-24 | Xem các bài đã đăng |
| 26 | UC-25 | Xem danh sách đăng kí hoạt động |
| 27 | UC-26 | Xem danh sách hoạt động |
| 28 | UC-27 | Xem hình ảnh các hoạt động |
| 29 | UC-28 | Xin cấp lại mật khẩu |
| 30 | UC-29 | Xóa ảnh |
| 31 | UC-30 | Xóa bài viết |
| 32 | UC-31 | Xóa bài hát |
| 33 | UC-32 | Xóa hoạt động |
| 34 | UC-33 | Xóa tài khoản |
| 35 | UC-34 | Xem ảnh |

# Đặc tả Use – case

## UC-00 (Đăng kí tham gia một hoạt động)

### Tóm tắt

Use case cho phép người dùng đăng kí tham gia một hoạt động.

### Dòng sự kiện

Use case bắt đầu khi người dùng có nhu cầu đăng ký tham gia một hoạt động.

#### Dòng sự kiện chính

* Người dùng chọn đăng kí tham gia hoạt động.
* Hệ thống sẽ lưu giữ lại những thông tin đăng kí tham gia hoạt động vừa mới được thực hiện.
* Thông báo thành công cho người dùng.
* Use case kết thúc

#### Dòng sự kiện phụ

Nếu trong dòng sự kiện chính, người dùng đăng kí thất bại (do cơ sở dữ liệu lúc đó quá tải, hoặc do người dùng chưa đăng nhập…), hệ thống sẽ thông báo lỗi cho người dùng. Người dùng có thể quay lại màn hình đăng kí hoặc hủy bỏ việc đăng kí và kết thúc use case.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng cần phải đăng nhập vào website trước khi use case bắt đầu.

### Các kết quả

Người dùng sẽ được nhận thông báo (thành công, thất bại) cho việc thực hiện đăng kí tham gia hoạt động.

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-01 (Đăng kí mượn phòng)

### Tóm tắt

Use case mô tả cách người dùng thực hiện việc đăng kí mượn phòng.

### Dòng sự kiện

Use case bắt đầu khi người dùng có nhu cầu đăng kí mượn phòng.

#### Dòng sự kiện chính

* Người dùng chọn chức năng đăng kí mượn phòng
* Màn hình đăng kí mượn phòng hiện ra và người dùng điền các thông tin cần thiết:
* Cần mượn phòng có sức chứa bao nhiêu người
* Ngày mượn
* Khoảng thời gian mượn
* Mục đích mượn
* Hệ thống sẽ lưu trữ các thông tin vừa đăng kí.
* Thông báo thành công cho người dùng.
* Use case kết thúc

#### Dòng sự kiện phụ

Nếu trong **dòng sự kiện chính**, người dùng không điền đầy đủ các thông tin, hoặc điền thông sai, lỗi kết nối CSDL sẽ dẫn đến việc đăng kí thất bại.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có cán bộ Đoàn các cấp mới hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng phải đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết qủa

Nếu use case thành công thì hệ thống sẽ thông báo đến người dùng quá trình đăng kí đã thành công.

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-02 (Đăng nhập)

### Tóm tắt

Use case mô tả cách người dùng đăng nhập vào website

### Dòng sự kiện

Use case bắt đầu khi người dùng có nhu cầu đăng nhập vào website.

#### Dòng sự kiện chính:

* Hệ thống nhận yêu cầu đăng kí trên giao diện chính của ứng dụng.
* Hệ thống hiển thị giao diện cho người dùng nhập thông tin đăng nhập.
* Hệ thông yêu cầu actor nhập tên và mật khẩu.
* Hệ thống kiểm chứng tên và mật khẩu bằng cách so sánh dữ liệu lưu và dữ liệu người dùng nhập.
* Thông báo thành công và cho phép actor đăng nhập vào hệ thống.

#### Dòng sự kiện phụ

Nếu trong **dòng sự kiện chính**, người dùng nhập sai tên và mật khẩu, hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi. Actor có thể chọn trở về đầu dòng sự kiện chính hoặc hủy bỏ việc đăng nhập, lúc này use case kết thúc.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các điều kiện tiên quyết

Không có.

### Các kết quả

Nếu use case thành công thì actor lúc này đã đăng nhập vào hệ thống. Nếu không trạng thái hệ thống sẽ không thay đổi.

### Điểm mở rộng

Không có.

## UC-03 (Đăng xuất)

### Tóm tắt

Usecase cho phép người dùng đăng xuất ra khỏi hệ thống.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính:

* Hệ thống nhận yêu cầu đăng xuất của người dùng.
* Hệ thống sẽ kiểm tra người dùng và thực hiện đăng xuất
* Hệ thống tự động chuyển hướng về trang chủ
* Use case kết thúc.

#### Dòng sự kiện phụ:

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng phải đăng nhập trước khi sử dụng use case này.

### Các kết quả

Nếu use case thành công, trạng thái của hệ thống thay đổi, người dùng đã đăng xuất khỏi hệ thống.

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-04 (Bình chọn website)

### Tóm tắt

Usecase cho phép người dùng thực hiện việc đánh giá website.

### Dòng sự kiện

Use case bắt đầu khi người dùng muốn thực hiện đánh giá website

#### Dòng sự kiện chính

* Actor bắt đầu việc đánh giá bằng cách chọn một trong số các mức đánh giá được đưa ra trước (Rất hữu dụng, hữu dụng, tạm được, tệ, rất tệ).
* Actor nhấn nút “Đánh giá” để kết thúc quá trình đánh giá của mình.
* Hệ thống sẽ lưu giữ kết quả đánh giá của actor.
* Thông báo thành công và cám ơn việc đánh giá của actor.
* Use case kết thúc.

#### Dòng sự kiện phụ

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các điều kiện tiên quyết

Không có

### Các kết quả thu được

Nếu usecase thành công thì kết quả đánh giá đã được lưu giữ.

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-05 (Tải ảnh từ website về máy)

### Tóm tắt

Use case cho phép người dùng tải các ảnh trong thư viện ảnh của website về máy cá nhân của mình.

### Dòng sự kiện

Use case bắt đầu khi actor muốn tải ảnh về máy cá nhân của mình

#### Dòng sự kiện chính

* Actor thực hiện use case xem ảnh.
* Actor thực hiện tải ảnh về máy tính cá nhân của mình
* Ảnh sẽ được lưu vào máy tính cá nhân của actor
* Use case kết thúc.

#### Dòng sự kiện phụ

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các điều kiện tiên quyết

Không có

### Các kết quả thu được

Người dùng sẽ nhận được ảnh đã tải.

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-06 (Tải nhạc từ website về máy)

### Tóm tắt

Use case cho phép người dùng tải các bài hát trong thư viện nhạc của website về máy tính cá nhân của mình.

### Dòng sự kiện

Use case bắt đầu khi actor muốn tải bài hát về máy cá nhân của mình

#### Dòng sự kiện chính

* Actor thực hiện use case nghe nhạc.
* Actor tải bài hát về máy tính cá nhân của mình
* Bài hát sẽ được lưu vào máy tính cá nhân của actor
* Use case kết thúc.

#### Dòng sự kiện phụ

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các điều kiện tiên quyết

Không có

### Các kết quả thu được

Không có

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-07 (Nghe nhạc)

### Tóm tắt

Usecase cho phép người dùng nghe các bài nhạc có trong thư viện nhạc của website

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn thư viện nhạc
* Hệ thống sẽ mở các bài nhạc có trong thư viện

#### Dòng sự kiện phụ

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các điều kiện tiên quyết

Không có

### Các kết quả thu được

Các bài nhạc sẽ được mở và actor có thể thưởng thức.

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-08 (Quản lý các bài viết)

### Tóm tắt

Use case mô tả quá trình quản lý bài viết của Admin

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý bài viết.
* Màn hình quản lý bài viết hiện ra với các chức năng quản lý cụ thể sẽ được hiện ra (thêm bài viết, xóa bài viết, sửa bài viết).

#### Dòng sự kiện phụ

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin mới thực hiện được use case này.

### *Các điều kiện tiên quyết*

Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi thực hiện use case này*.*

### Các kết quả thu được

Sau khi thực hiện thành công, màn hình quản lý bài viết được hiện ra.

### Điểm mở rộng

## UC-09 (Quản lý hoạt động)

### Tóm tắt

Usecase mô tả quá trình thực hiện việc quản lý hoạt động của Admin

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý hoạt động
* Màn hình quản lý hoạt động hiện ra với các chức năng chi tiết (thêm hoạt động, xóa hoạt động, sửa hoạt động).

#### Dòng sự kiện phụ

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin mới thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả thu được

Màn hình quản lý hoạt động được hiện lên.

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-10 (Quản lý tài khoản)

### Tóm tắt

Usecase mô tả quá trình quản lý tài khoản của admin

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý tài khoản.
* Màn hình quản lý tài khoản với các chức năng chi tiết sẽ được hiển thị (thêm tài khoản, xóa tài khoản, sửa tài khoản).

#### Dòng sự kiện phụ

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có admin mới thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng phải đăng nhập hệ thống

### Các kết quả thu được

Người dùng đăng một bài tập mới lên hệ thống mới thực hiện được use case này.

### Điểm mở rộng

## UC-11 (Quản lý tài khoản cá nhân)

### Tóm tắt

Use case này mô tả quá trình quản lý tài khoản cá nhân của các người dùng.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản cá nhân.
* Màn hình quản lý với các chức năng quản lý cụ thể (thay đổi thông tin cá nhân, thay đổi mật khẩu) được hiện lên.

#### Dòng sự kiện khác

### Các yêu cầu đặc biệt

Khách không thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Màn hình quản lý tài khoản cá nhân sẽ hiện ra.

### Các điểm mở rộng

## UC-12 (Quản lý thư viện ảnh)

### Tóm tắt

Use case mô tả quá trình quản lý thư viện ảnh

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý thư viện ảnh.
* Màn hìn quản lý thư viện ảnh với các chức năng chi tiết (Thêm ảnh, xóa ảnh) được hiện lên.

#### Dòng sự kiện khác

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin mới có thể thực hiện use case này

### Các điều kiện tiên quyết

Actor phải đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Màn hình quản lý thư viện ảnh hiện ra.

### Các điểm mở rộng

## UC-13 (Quản lý thư viện nhạc)

### Tóm tắt

Use case mô tả quá trình quản lý thư viện nhạc

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý thư viện nhạc
* Màn hình quản lý thư viện nhạc với các chức năng quản lý chi tiết (Thêm bài hát, xóa bài hát) hiện ra.

#### Dòng sự kiện khác

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin mới có thể thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Actor cần phải đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Màn hình quản lý thư viện nhạc hiện ra.

### Các điểm mở rộng

## UC-14 (Sửa bài viết)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình sửa bài viết của admin.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý bài viết.
* Màn hình quản lý bài viết hiện ra.
* Actor chọn chức năng sửa bài viết
* Màn hình sửa bài viết hiện ra
* Người dùng sửa bài viết
* Chọn Lưu.

#### Dòng sự kiện khác

Actor không chọn lưu sau khi chỉnh sửa mà chọn bỏ qua hoặc thực hiện thao tác khác thì nội dung bài viết sẽ không được sửa và use case kết thúc.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin mới được thực hiện use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng cần đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Nội dung của bài viết được cập nhật.

### Các điểm mở rộng

## UC-15 (Sử thông tin một hoạt động)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình sửa một hoạt động.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý hoạt động.
* Màn hình quản lý hoạt động hiện ra
* Actor chọn chức năng sửa hoạt động
* Màn hình sửa hoạt động hiện ra
* Actor sửa thông tin hoạt động theo ý muốn của mình
* Chọn lưu.

#### Dòng sự kiện khác

Actor không chọn lưu sau khi chỉnh sửa thông tin, có thể chọn bỏ qua hoặc thực hiện một công việc khác, khi đó thông tin sẽ không được cập nhật.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin mới có thể thực hiện use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Actor phải đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Thông tin hoạt động được cập nhật.

### Các điểm mở rộng

## UC-16 (Sửa thông tin tài khoản)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình chỉnh sửa thông tin tài khoản cá nhân

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý tài khoản cá nhân.
* Màn hình quản lý tài khoản cá nhân hiện lên.
* Actor chọn chức năng sửa thông tin tài khoản.
* Màn hình sửa thông tin tài khoản hiện ra.
* Actor thực hiện việc chỉnh sửa thông tin.
* Chọn Lưu.

#### Dòng sự kiện khác

Actor không chọn lưu sau khi sửa thông tin, có thể chọn bỏ qua hoặc thực hiện một công việc khác, khi đó thông tin hoạt động không được chỉnh sửa và cập nhật.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin mới có quyền thực hiện use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng cần đăng nhập trước khi thực hiên use case này.

### Các kết quả

Thông tin của hoạt động được cập nhật.

### Các điểm mở rộng

## UC-17 (Thay đổi mật khẩu)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình thay đổi mật khẩu của người dùng.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý tài khoản cá nhân.
* Màn hình quản lý tài khoản cá nhân hiện lên.
* Actor chọn chức năng thay đổi mật khẩu.
* Màn hình thay đổi mật khẩu hiện ra.
* Actor thực hiện việc thay đổi mật khẩu.
* Chọn Lưu

#### Dòng sự kiện khác

Người dùng không chọn lưu sau khi thay đổi mật khẩu, có thể chọn bỏ qua hoặc thực hiện một công việc khác, khi đó mật khẩu không thay đổi.

### Các yêu cầu đặc biệt

Khách không thể thực hiện use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng cần đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Mật khẩu người dùng được thay đổi.

### Các điểm mở rộng

## UC-18 (Thay đổi thông tin cá nhân)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình thay đổi thông tin cá nhân của người dùng.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý tài khoản cá nhân.
* Màn hình quản lý tài khoản cá nhân hiện ra.
* Actor chọn chức năng thay đổi thông tin cá nhân.
* Màn hình thay đổi thông tin cá nhân hiện ra.
* Actor thực hiện thao tác thay đổi thông tin cá nhân.
* Chọn Lưu.

#### Dòng sự kiện khác

Trong dòng sự kiện chính, người dùng không chọn lưu mà chọn bỏ qua hoặc thực hiện một thao tác chuyển sang use case khác, khi đó thông tin cá nhân sẽ không được chỉnh sửa và cập nhật.

### Các yêu cầu đặc biệt

Khách không thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng cần đăng nhập trước khi thực hiên use case này.

### Các kết quả

Thông tin cá nhân của người dùng được cập nhật.

### Các điểm mở rộng

## UC-19 (Thêm ảnh mới)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình thêm một ảnh mới.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý thư viện ảnh
* Màn hình quản lý thư viên ảnh hiện ra
* Actor chọn chức năng thêm ảnh mới
* Màn hình thêm ảnh mới hiện ra
* Thực hiện thao tác thêm ảnh mới
* Chọn Thêm.

#### Dòng sự kiện khác

* Trong dòng sự kiện chính, người dùng không chọn Thêm mà chọn bỏ qua hoặc chuyển sang thực hiện một use case khác, khi đó ảnh mới sẽ không được thêm.
* Lỗi kết nối CSDL, thao tác thêm không được thực hiện, khi đó ảnh mới không được thêm.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin mới thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Người dùng cần đăng nhập hệ thống trước khi thực hiện use case.

### Các kết quả

Ảnh mới được thêm vào thư viện.

### Các điểm mở rộng

## UC-20 (Thêm bài hát mới)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình thêm bài hát mới vào thư viện nhạc.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý thư viện nhạc.
* Màn hình quản lý thư viện nhạc hiện ra
* Actor chọn chức năng thêm bài hát mới
* Màn hình thêm bài hát mới hiện ra
* Actor thực hiện thao tác thêm bài hát mới
* Chọn Thêm.

#### Dòng sự kiện khác

* Trong dòng sự kiện chính, người dùng không chọn Thêm mà chọn bỏ qua hoặc chuyển sang thực hiện một use case khác, khi đó bài hát mới sẽ không được thêm.
* Lỗi kết nối CSDL, thao tác thêm không được thực hiện, khi đó bài hát mới không được thêm.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Actor cần truy cập vào trang web trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Bài hát mới được thêm vào hệ thống.

### Các điểm mở rộng

## UC-21 (Thêm bài viết mới)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình thêm bài viết mới.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý bài viết.
* Mà hình quản lý bài viết hiện ra.
* Actor chọn chức năng thêm bài viết mới
* Màn hình thêm bài viết mới hiện ra
* Actor thực hiện thao tác thêm bài viết mới.
* Chọn Thêm

#### Dòng sự kiện khác

* Trong dòng sự kiện chính, người dùng không chọn Thêm mà chọn bỏ qua hoặc chuyển sang thực hiện một use case khác, khi đó bài viết mới sẽ không được thêm.
* Lỗi kết nối CSDL, thao tác thêm không được thực hiện, khi đó bài viết mới không được thêm.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có admin thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Actor cần đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Nếu use case thành công, bài viết mới được thêm vào hệ thống.

### Các điểm mở rộng

## UC-22 (Thêm một hoạt động)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình thêm hoạt động.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý hoạt động
* Màn hình quản lý hoạt động hiện ra
* Actor chọn chức năng thêm một hoạt động
* Màn hình thêm một hoạt động hiện ra
* Actor thực hiện thao tác thêm một hoạt động
* Chọn Thêm

#### Dòng sự kiện khác

* Trong dòng sự kiện chính, người dùng không chọn Thêm mà chọn bỏ qua hoặc chuyển sang thực hiện một use case khác, khi đó hoạt động mới sẽ không được thêm.
* Lỗi kết nối CSDL, thao tác thêm không được thực hiện, khi đó hoạt động mới không được thêm.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Actor cần đăng nhập hệ thống trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Nếu use case thành công, hoạt động mới sẽ được tạo ra.

### Các điểm mở rộng

## UC-23 (Thêm tài khoản mới)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình thêm tài khoản mới.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý tài khoản
* Màn hình quản lý tài khoản hiện ra
* Actor chọn chức năng thêm một tài khoản mới
* Màn hình thêm một tài khoản mới hiện ra
* Actor thực hiện thao tác thêm một tài khoản mới
* Chọn Thêm

#### Dòng sự kiện khác

* Trong dòng sự kiện chính, người dùng không chọn Thêm mà chọn bỏ qua hoặc chuyển sang thực hiện một use case khác, khi đó tài khoản mới sẽ không được thêm.
* Lỗi kết nối CSDL, thao tác thêm không được thực hiện, khi đó tài khoản mới không được thêm.

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có Admin thực hiện được use case này.

### Các điều kiện tiên quyết

Actor cần đăng nhập hệ thống trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Nếu use case thành công, tài khoản mới sẽ được tạo ra.

### Các điểm mở rộng

## UC-24 (Xem các bài đã đăng)

### Mô tả

Use case cho phép người dùng xem các bài đã đăng

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng truy cập vào trang web và lựa chọn các bài viết đã đăng để xem

#### Các dòng sự kiện khác

### Các yêu cầu đặc biệt

### Các yêu cầu tiên quyết

### Các kết quả

### Điểm mở rộng

## UC-25 (Xem danh sách đăng kí hoạt động)

### Mô tả

Use case cho phép người dùng xem danh sách sinh viên đã đăng kí hoạt động

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Người dùng chọn hoạt động cần xem
* Một màn hình về thông tin hoạt động hiên ra
* Người dùng chọn xem danh sách sinh viên đã đăng kí
* Danh sách sinh viên đã đăng kí hoạt động hiện lên

#### Các dòng sự kiện khác

* Trong dòng sự kiện chính, người dùng cũng có thể chọn tải danh sách sinh viên đã đăng kí hoạt động sau khi màn hình thông tin hoạt động hiện ra.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các yêu cầu tiên quyết

Không có

### Các kết quả

Nếu use case thành công, actor sẽ xem được danh sách sinh viên đã đăng kí hoạt động hoặc tải danh sách sinh viên về máy.

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-26 (Xem danh sách hoạt động)

### Mô tả

Use case cho phép người dùng xem danh sách hoạt động

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

#### Các dòng sự kiện khác

### Các yêu cầu đặc biệt

### Các yêu cầu tiên quyết

### Các kết quả

### Điểm mở rộng

## UC-27 (Xem hình ảnh các hoạt động)

### Mô tả

Use case cho phép người dùng xem hình ảnh các hoạt động

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng xem ảnh
* Danh sách các thư mục ảnh tương ứng với từng hoạt động sẽ hiện ra
* Actor chọn hình ảnh của hoạt động muốn xem
* Các hình ảnh của hoạt động đã chọn sẽ được hiện lên

#### Các dòng sự kiện khác

Trong lúc xem ảnh, actor có thể tải ảnh về máy.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các yêu cầu tiên quyết

Không có

### Các kết quả

Actor xem được ảnh của hoạt động mình cần xem

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-28 (Xin cấp lại mật khẩu)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình xin cấp lại mật khẩu của sinh viên

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn quên mật khẩu
* Một màn hình cho phép xin cấp lại mật khẩu hiện ra
* Actor nhập tên đăng nhập vào
* Nhấn Đồng ý
* Một mật khẩu sẽ được gửi đến email tương ứng của tên đăng nhập khai báo
* Thông báo cho người dùng lấy mật khẩu mới từ bằng cách kiểm tra email

#### Các dòng sự kiện khác

* Tên đăng nhập được khai báo không tồn tại sẽ thông báo lỗi cho người dùng và yêu cầu nhập lại
* Actor không chọn Đồng ý sau khi nhập thông tin mật khẩu vẫn không được đổi

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các yêu cầu tiên quyết

Không có

### Các kết quả

Nếu use case thành công, một mật khẩu mới được gửi đến email của người dùng

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-29 (Xóa ảnh)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình xóa ảnh

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý thư viện ảnh
* Chọn thư mục ảnh có ảnh cần xóa
* Danh sách các ảnh hiện ra
* Actor chọn ảnh cần xóa
* Nhấn *Xóa*

#### Các dòng sự kiện khác

Actor không chọn *Xóa* sau khi đã chọn ảnh, ảnh sẽ không được xóa

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có admin mới thực hiện được use case này.

### Các yêu cầu tiên quyết

Actor cần đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Nêu use case thành công, ảnh sẽ bị xóa khỏi CSDL

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-30 (Xóa bài viết)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình xóa bài viết

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý bài viết
* Chọn chuyên mục mà bài viết đó thuộc về
* …
* Chọn bài viết cần xóa
* Nhấn *Xóa*

#### Các dòng sự kiện khác

Actor không chọn *Xóa* sau khi đã chọn bài viết, bài viết sẽ không được xóa

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có admin mới thực hiện được use case này.

### Các yêu cầu tiên quyết

Actor cần đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Nêu use case thành công, bài viết sẽ bị xóa khỏi CSDL

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-31 (Xóa bài hát)

### Mô tả

Use case mô tả quá trình xóa bài hát

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý bài hát
* Chọn bài hát cần xóa
* Nhấn *Xóa*

#### Các dòng sự kiện khác

Actor không chọn *Xóa* sau khi đã chọn bài hát, bài hát sẽ không được xóa

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có admin mới thực hiện được use case này.

### Các yêu cầu tiên quyết

Actor cần đăng nhập trước khi thực hiện use case này.

### Các kết quả

Nêu use case thành công, bài hát sẽ bị xóa khỏi CSDL

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-32 (Xóa hoạt động)

### Mô tả

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

#### Các dòng sự kiện khác

### Các yêu cầu đặc biệt

### Các yêu cầu tiên quyết

### Các kết quả

### Điểm mở rộng

## UC-33 (Xóa tài khoản)

### Mô tả

Use case này mô tả quá trình xóa tài khoản của admin

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng quản lý tài khoản
* Màn hình quản lý tài khoản hiện ra
* Actor chọn tài khoản cần xóa
* Chọn xóa

#### Các dòng sự kiện khác

Trong dòng sự kiện chính, actor không chọn xóa sau khi đã chọn tài khoản cần xóa thì tài khoản đó vẫn chưa được xóa

### Các yêu cầu đặc biệt

Chỉ có admin mới thực hiện được use case này

### Các yêu cầu tiên quyết

Actor cần đăng nhập trước khi thực hiện use case này

### Các kết quả

Nếu use case thành công, tài khoản sẽ bị xóa

### Điểm mở rộng

Không có

## UC-34 (Xem ảnh)

### Mô tả

Use case cho phép người dùng xem ảnh

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* Actor chọn chức năng xem ảnh
* Màn hình hiển thị các thư mục ảnh hiện ra
* Actor chọn thư mục ảnh cần xem (thư mục ảnh chứa tất cả các ảnh của một hoạt động nào đó)
* Hình ảnh trong thư mục ảnh sẽ hiện ra.

#### Các dòng sự kiện khác

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Các yêu cầu tiên quyết

Không có

### Các kết quả

Nếu use case thành công, người dùng sẽ xem được ảnh mình muốn.

### Điểm mở rộng

Không có